

5.2020

BẢN TIN PHÁP LUẬT



VĂN PHÒNG LUẬT SƯ TÔ ĐÌNH HUY

Điện thoại: 02838991104 – 0978845617

Tổng đài: 1900 6279

Email: info@luatsuhcm.com

Website: luatsuhcm.com

NỘI DUNG CHÍNH

PHẦN 1: Nhãn hiệu và vấn đề bảo hộ nhãn hiệu của doanh nghiệp

PHẦN 2: Tóm tắt điểm mới nổi bật của một số văn bản có hiệu lực trong tháng /2020

1. Một số quy định mới về thi hành án dân sự
2. Các trường hợp phải thông báo cho Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia khi thực hiện tập trung kinh tế
3. Bổ sung Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư
4. Những khu vực và công việc người lao động không được đến làm việc ở nước ngoài
5. Quy định về việc thực hiện thữ tục hành chính trên môi trường điện tử

PHẦN 3: Một số văn bản có hiệu lực trong tháng

PHẦN 1. NHÃN HIỆU VÀ VẤN ĐỀ BẢO HỘ NHÃN HIỆU CỦA DOANH NGHIỆP

Dẫn nhập

Quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền sở hữu công nghiệp nói riêng ngày càng có ý nghĩa quan trọng và mang tính quyết định đối với doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh. Một trong các đối tượng quan trọng của quyền sở hữu công nghiệp mà doanh nghiệp quan tâm ngay từ lúc “khai sinh” đó là nhãn hiệu cho sản phẩm, dịch vụ mà doanh nghiệp đưa ra thị trường.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin tập trung nêu ra các quy định pháp lý mà doanh nghiệp cần nắm rõ về *nhãn hiệu* và *bảo hộ nhãn hiệu* nhằm giúp doanh nghiệp nhận thức rõ và quản trị hiệu quả nhãn hiệu của mình trong thời gian tới.



I. Tìm hiểu về nhãn hiệu và giá trị của nhãn hiệu

Theo quy định tại Khoản 16 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ 2005, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12 văn bản hợp nhất số 19/VBHN-VPQH năm 2013 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ) thì nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau. Trong đó các loại nhãn hiệu như sau:

– Nhãn hiệu tập thể là nhãn hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các thành viên của tổ chức là chủ sở hữu nhãn hiệu đó với hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của tổ chức đó.

– Nhãn hiệu chứng nhận là nhãn hiệu mà chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng trên hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân đó để chứng nhận các đặc tính về xuất xứ, nguyên liệu, vật liệu, cách thức sản xuất hàng hóa, cách thức cung cấp dịch vụ, chất lượng, độ chính xác, độ an toàn hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

– Nhãn hiệu liên kết là các nhãn hiệu do cùng một chủ thể đăng ký, trùng hoặc tương tự nhau dùng cho sản phẩm, dịch vụ cùng loại hoặc tương tự nhau hoặc có liên quan với nhau.

Khi một doanh nghiệp có nhãn hiệu và được bảo hộ thì các đối tượng sở hữu trí tuệ

này sẽ trở thành tài sản của doanh nghiệp đó, góp phần mang lại nhiều lợi thế cho doanh nghiệp như:

- Lợi thế phát triển sản phẩm: Sở hữu trí tuệ nâng cao niềm tin, sự tự tin và lòng trung thành với người tiêu dùng; cung cấp hình ảnh, danh tiếng và sự nhận diện khác biệt cho doanh nghiệp, nhờ đó khách hàng có thể nhận diện, phân biệt được hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp đó với hàng hóa, dịch vụ cùng loại của doanh nghiệp khác.

- Lợi thế cạnh tranh: Quyền sở hữu trí tuệ là độc quyền, do đó khi nắm giữ độc quyền về nhãn hiệu cho một sản phẩm thì đương nhiên các đối thủ cạnh tranh sẽ không được phép khai thác, sử dụng các nhãn hiệu đó để sản xuất sản phẩm, vì thế doanh nghiệp duy trì được vị thế cạnh tranh đối với sản phẩm đó trên thị trường. Sở hữu trí tuệ là biện pháp phòng thủ của doanh nghiệp trước các đối thủ cạnh tranh tiềm năng. Khi doanh nghiệp đưa ra thị trường một sản phẩm mới, các đối thủ đều nghiên cứu tìm kiếm những yếu tố để loại bỏ sản phẩm đó, một trong những chiến lược cạnh tranh của đối thủ là tìm xem sản phẩm mới của doanh nghiệp có vi phạm quyền sở hữu trí tuệ hay không, do đó, việc sản phẩm mới của doanh nghiệp được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ sẽ là một lợi thế cạnh tranh.

- Nâng cao giá trị doanh nghiệp: Quyền sở hữu trí tuệ khi được bảo hộ sẽ trở thành tài sản và vì thế quyền sở hữu trí tuệ cũng có thể chuyển giao, chuyển nhượng. Các doanh nghiệp đang sở hữu những nhãn hiệu có danh tiếng, bên cạnh việc tự khai thác độc quyền sử dụng quyền sở hữu trí tuệ để sản xuất, kinh doanh sản phẩm, doanh nghiệp còn có thể chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu thông qua việc nhượng quyền kinh doanh. Quyền sở hữu trí tuệ còn làm tăng giá trị doanh nghiệp một cách đáng kể khi mua bán sáp nhập doanh nghiệp; nâng cao giá trị của doanh nghiệp

trong mắt các nhà đầu tư và các tổ chức tài trợ.

II. Vấn đề bảo hộ nhãn hiệu

1. Nhãn hiệu nào sẽ được bảo hộ?

Bảo vệ các tài sản sở hữu trí tuệ nói chung và nhãn hiệu nói riêng không chỉ giúp doanh nghiệp chống lại những hành vi gian lận của các chủ thể khác, mà còn giúp doanh nghiệp tạo lập giá trị lớn. Chính vì vậy, điều quan trọng nhất đối với doanh nghiệp Việt Nam hiện nay là xác lập quyền đối với tài sản sở hữu trí tuệ. Tùy theo đặc tính của tài sản sở hữu trí tuệ và mục đích doanh nghiệp hướng đến mà hình thức sở hữu và cơ sở xác lập quyền sẽ có sự khác biệt.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Luật Sở hữu trí tuệ thì quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu được xác lập trên cơ sở quyết định cấp văn bằng bảo hộ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo thủ tục đăng ký quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ hoặc công nhận đăng ký quốc tế theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; đối với nhãn hiệu nổi tiếng, quyền sở hữu được xác lập trên cơ sở sử dụng, không phụ thuộc vào thủ tục đăng ký.

Theo Điều 72 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

“1. Là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, kể cả hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc.

2. Có khả năng phân biệt hàng hóa, dịch vụ của chủ sở hữu nhãn hiệu với hàng hóa, dịch vụ của chủ thể khác”.

Tuy nhiên, có một số dấu hiệu sẽ không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu theo quy định tại Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ:



“1. Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với hình quốc kỳ, quốc huy của các nước.

2. Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với biểu tượng, cờ, huy hiệu, tên viết tắt, tên đầy đủ của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp của Việt Nam và tổ chức quốc tế, nếu không được cơ quan, tổ chức đó cho phép.

3. Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với tên thật, biệt hiệu, bút danh, hình ảnh của lãnh tụ, anh hùng dân tộc, danh nhân của Việt Nam, của nước ngoài.

4. Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với dấu chứng nhận, dấu kiểm tra, dấu bảo hành của tổ chức quốc tế mà tổ chức đó có yêu cầu không được sử dụng, trừ trường hợp chính tổ chức này đăng ký các dấu đó làm nhãn hiệu chứng nhận.

5. Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ”.

2. Cơ chế bảo hộ nhãn hiệu

Doanh nghiệp có quyền đăng ký nhãn hiệu dùng cho hàng hóa do mình sản xuất hoặc dịch vụ do mình cung cấp. Ngoài ra, doanh nghiệp tiến hành hoạt động thương mại hợp pháp cũng có quyền đăng ký nhãn hiệu cho sản phẩm mà mình đưa ra thị trường nhưng do người khác sản xuất với điều kiện người sản xuất không sử dụng nhãn hiệu đó cho sản phẩm và không phản đối việc đăng ký đó.

Theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ tại Việt Nam cũng như các quốc gia trên thế giới, phạm vi bảo hộ nhãn hiệu sẽ theo

nguyên tắc lãnh thổ, có nghĩa là đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tại quốc gia nào thì được bảo hộ tại quốc gia đó. Doanh nghiệp sở hữu nhãn hiệu ngoài việc được độc quyền sử dụng, ngăn cấm người khác sử dụng, định đoạt, còn là cơ sở để các doanh nghiệp chủ động chống lại hàng giả, hàng nhái, bảo vệ thị phần cung cấp hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

Chúng tôi xin đưa ra một vụ việc cụ thể để cho thấy vai trò của việc bảo hộ nhãn hiệu đối với chủ nhãn hiệu. Vừa qua, Công ty Cổ phần BBC (có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh và chuỗi đại lý trải dài khắp cả nước) - một công ty có danh tiếng chuyên kinh doanh và phân phối các sản phẩm bánh kẹo, phát hiện một hộ kinh doanh mang tên “Bình An BBC” tại tỉnh Bến Tre. Được biết Hộ kinh doanh Bình An BBC được cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh ngày 28/4/2020 với ngành nghề chính là phân phối, kinh doanh mặt hàng bánh kẹo. Sau khi biết được thông tin này, Công ty BBC đã đặt ra câu hỏi rằng liệu Hộ Kinh doanh Bình An BBC có vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu của Công ty BBC hay không?

Xét về cơ sở xác lập quyền sở hữu của Công ty Cổ phần BBC đối với nhãn hiệu “BBC”, Công ty đã đăng ký bảo hộ đối với nhãn hiệu “BBC” và được cấp văn bằng bảo hộ từ năm 1999. Thời hạn bảo hộ được tính đến năm 2028, vậy hiện nay thời hạn bảo hộ vẫn còn. Căn cứ khoản 1 Điều 121 Luật Sở hữu trí tuệ, *chủ sở hữu nhãn hiệu là tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng bảo hộ nhãn hiệu*. Vì vậy, Công ty cổ phần BB là chủ sở hữu đối với nhãn hiệu “BBC” và có quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu từ thời điểm công ty được cấp văn bằng bảo hộ nêu trên. Nhãn hiệu “BBC” đã được bảo hộ, đồng thời cũng là tên thương mại của Công ty Cổ phần BBC. Công ty cổ phần BBC đã sử dụng và được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có tên “BBC” trước khi Hộ

kinh doanh Bình An BBC được cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Căn cứ Điều 76 Luật Sở hữu trí tuệ, điều kiện bảo hộ tên thương mại là tên thương mại phải có khả năng phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên thương mại đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh. Điều 78 Luật Sở hữu trí tuệ quy định về khả năng phân biệt của tên thương mại như sau:

“1.Chứa thành phần tên riêng, trừ trường hợp đã được biết đến rộng rãi do sử dụng;

2.Không trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với tên thương mại mà người khác đã sử dụng trước trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh;

3.Không trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác hoặc với chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ trước ngày tên thương mại đó được sử dụng”.

Có thể thấy, Công ty BBC và Hộ kinh doanh Bình An BBC hoạt động cùng khu vực kinh doanh và cùng lĩnh vực kinh doanh, Hộ kinh doanh Bình An BBC cũng không phải là đại lý của Công ty BBC. Việc sử dụng “BBC” trong tên riêng của Hộ kinh doanh “Bình An BBC” là trùng với dấu hiệu trong nhãn hiệu và tên thương mại “BBC” của Công ty BBC. Nhãn hiệu và tên thương mại “BBC” của Công ty này đã được người tiêu dùng biết đến rộng rãi. Do đó, việc sử dụng tên của Hộ kinh doanh có thể gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh sản phẩm. Vì vậy, có cơ sở xác định tên của Hộ kinh doanh Bình An BBC không đáp ứng điều kiện được bảo hộ tên thương mại. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 129 Luật Sở hữu trí tuệ thì việc “sử dụng dấu hiệu trùng với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký kèm theo nhãn hiệu đó” sẽ bị coi là xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu.

3. Hướng xử lý hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ

Khi đã đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, chủ nhãn hiệu có quyền yêu cầu các cơ quan chức năng xử lý hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của chủ thể khác thông qua các biện pháp hành chính, dân sự, hình sự. Theo quy định tại Điều 198 Luật Sở hữu trí tuệ, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có quyền áp dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình:

– Áp dụng biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

– Yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại;

– Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

– Khởi kiện ra tòa án hoặc trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Thông thường, các doanh nghiệp sẽ lựa chọn áp dụng các biện pháp dân sự theo Điều 202 Luật Sở hữu trí tuệ để xử lý đối với các trường hợp vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, gồm:

- Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm;
- Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự;
- Buộc bồi thường thiệt hại;

Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng có thể xem xét các biện pháp hành chính theo Điều 214 Luật Sở hữu trí tuệ, Điều 11 Nghị định 99/2013/NĐ-CP quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, trong đó có biện pháp buộc chủ thể vi phạm thay đổi tên, loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp hoặc có thể bị xử lý hình

sự theo Điều 226 Bộ luật hình sự 2015 nếu có đủ cơ sở chứng minh.

4. Khuyến nghị

Nhận thấy tầm quan trọng của nhãn hiệu, doanh nghiệp cần thực hiện việc đăng ký hoặc đăng ký gia hạn nhãn hiệu mà doanh nghiệp chưa đăng ký. Về nguyên tắc, Nhà nước chỉ cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp nào thỏa mãn tiêu chuẩn bảo hộ nhưng nộp đơn sớm nhất (kể cả đơn của người nước ngoài). Vì vậy, khi thực hiện đăng ký, doanh nghiệp cần phải đánh giá khả năng bảo hộ nhãn hiệu như đó phải là những dấu hiệu (chữ, hình, hay kết hợp cả hai) do doanh nghiệp tự đặt, tự thiết kế ra chứ không phải đi sao chép của người khác và các dấu hiệu đó có khả năng phân biệt hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp khác. Khi có cơ sở khẳng định nhãn hiệu có khả năng bảo hộ cao thì doanh nghiệp tiến hành đăng ký và đăng ký càng nhanh càng tốt để dành ngày sớm nhất (ngày ưu tiên); còn nếu các thông tin cho thấy khả năng đăng ký là bất lợi vì khó lòng được bảo hộ thì không nên đăng ký vì khá lãng phí tiền bạc, thời gian và công sức.

Khi các đối tượng sở hữu công nghiệp của doanh nghiệp đã được Nhà nước bảo hộ thì doanh nghiệp phải tổ chức khai thác, sử

dụng có hiệu quả các đối tượng đó nhằm bù đắp những chi phí nghiên cứu, đăng ký và quan trọng là tạo ra lợi nhuận, do cơ chế độc quyền mang lại. Nếu chỉ đăng ký mà không sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả thì việc đăng ký sở hữu công nghiệp trở nên vô nghĩa, thậm chí còn lãng phí, tốn kém. Tiếp đến, doanh nghiệp cần chủ động và phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chống lại những hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp của mình, nhằm bảo vệ quyền đối với các tài sản trí tuệ được Nhà nước bảo hộ.

Để thực hiện các nội dung nhằm quản trị tốt các tài sản trí tuệ, doanh nghiệp có thể chủ động quản trị, hoặc thuê các văn phòng luật sư thực hiện việc quản trị thông qua hợp đồng thuê quản trị tài sản trí tuệ.

Có thể nói, sở hữu trí tuệ đóng một vai trò quyết định đến sự thành công, phát triển bền vững của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Khi nền kinh tế hội nhập ngày càng sâu rộng thì giá trị nhãn hiệu (tài sản vô hình) thậm chí còn lớn hơn rất nhiều so với tài sản hữu hình của doanh nghiệp hiện có.

Kết luận: Trên đây là một số vấn đề pháp lý và khuyến nghị mà các doanh nghiệp cần lưu ý về nhãn hiệu và bảo hộ nhãn hiệu. Các doanh nghiệp cần hết sức chú trọng để từ đó có cách khai thác, sử dụng tối đa lợi thế mà nhãn hiệu mang lại.¹

¹ Tài liệu tham khảo: Tạp chí Tài chính.

PHẦN 2. TÓM TẮT ĐIỂM MỚI NỔI BẬT CỦA MỘT SỐ VĂN BẢN CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG

1. Một số quy định mới về thi hành án dân sự

Từ 01/5, người mua được tài sản bán đấu giá có 30 ngày để nộp tiền.

Đây là quy định mới được Chính phủ thay đổi tại khoản 12 Điều 1 Nghị định 33/2020/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 62/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

Cụ thể, người mua được tài sản bán đấu giá phải nộp tiền vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày đấu giá thành và không được gia hạn thêm. Quy định mới đã tăng gấp đôi thời gian để người mua được tài sản bán đấu giá có thể chuẩn bị tiền nộp, bởi Nghị định 62/2015/NĐ-CP trước đó chỉ cho phép người mua nộp trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày đấu giá thành (khoản 3 Điều 27).

Bên cạnh đó, Chính phủ cũng bổ sung quy định mới về việc xuất cảnh của người phải thi hành án tại khoản 15 Điều 1. Theo đó, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định về tạm hoãn xuất cảnh và gửi cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Có yêu cầu của người được thi hành án.
- Có căn cứ cho thấy việc xuất cảnh ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân hoặc để đảm bảo việc thi hành án.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/5/2020 và làm hết hiệu lực một phần Nghị định 62/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thi hành án dân sự.

2. Các trường hợp phải thông báo cho Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trước khi thực hiện tập trung kinh tế

Ngày 24/3/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định 35/2020/NĐ-CP về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh.

Điểm đáng chú ý là theo Điều 13 Nghị định này, các doanh nghiệp dự định tham gia tập trung kinh tế phải thông báo cho Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trước khi thực hiện tập trung kinh tế nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Tổng tài sản trên thị trường Việt Nam của doanh nghiệp hoặc nhóm doanh nghiệp liên kết mà doanh nghiệp đó là thành viên đạt 3.000 tỷ đồng trở lên trong năm tài chính liền kề trước năm dự kiến thực hiện tập trung kinh tế.
- Tổng doanh thu bán ra hoặc doanh số mua vào trên thị trường Việt Nam của doanh nghiệp hoặc nhóm doanh nghiệp liên kết mà doanh nghiệp đó là thành viên đạt 3.000 tỷ đồng trở lên trong năm tài chính liền kề trước năm dự kiến thực hiện tập trung kinh tế.
- Giá trị giao dịch của tập trung kinh tế từ 1.000 tỷ đồng trở lên.
- Thị phần kết hợp của doanh nghiệp dự định tham gia tập trung kinh tế từ 20% trở lên trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm dự kiến thực hiện tập trung kinh tế.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ thông báo tập trung kinh tế đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia ra thông báo kết quả thẩm định sơ bộ việc tập trung kinh tế.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15/5/2020.

3. Bổ sung Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư

Ngày 30/3/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 37/2020/NĐ-CP về việc bổ sung Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư ban hành

kèm theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Theo đó, bổ sung 01 ngành nghề thuộc mục Ngành nghề khác vào Danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP. Cụ thể, bổ sung ngành nghề Hoạt động đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm:

1. Đầu tư kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa;
2. Đầu tư kinh doanh cơ sở uơm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa;
3. Đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
4. Đầu tư kinh doanh khu làm việc chung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa sáng tạo.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 15/5/2020, sửa đổi, bổ sung Nghị định 118/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

4. Những khu vực và công việc người lao động không được đến làm việc ở nước ngoài

Nghị định này có quy định về khu vực và công việc người lao động không được đến làm việc ở nước ngoài. Theo Phụ lục 1, có 07 công việc người lao động không được đến làm việc ở nước ngoài gồm:

1. Công việc massage làm việc tại các nhà hàng, khách sạn hoặc các trung tâm giải trí.
2. Công việc phải tiếp xúc thường xuyên với chất nổ, chất độc hại trong luyện quặng kim loại màu (đồng, chì, thủy ngân, bạc, kẽm), tiếp xúc thường xuyên với mangan, điôxit thủy ngân.
3. Công việc tiếp xúc với nguồn phóng xạ hở, khai thác quặng phóng xạ các loại.

4. Công việc sản xuất, bao gói phải tiếp xúc thường xuyên với các hóa chất axit nitric, natri sunfat, disunfua cacbon, các loại thuốc trừ sâu, diệt cỏ, diệt chuột, sát trùng, chống mối mọt có độc tính mạnh.
5. Công việc săn bắt thú dữ, cá sấu, cá mập.
6. Công việc thường xuyên ở nơi thiếu không khí, áp suất lớn (dưới lòng đất, lòng đại dương).
7. Công việc liệm, mai táng tử thi, thiêu xác chết, bốc mả.

Bên cạnh đó, người lao động đến làm việc tại nước ngoài cũng không được đến làm việc tại: Khu vực đang có chiến sự hoặc đang có nguy cơ xảy ra chiến sự, khu vực đang bị nhiễm xạ, khu vực bị nhiễm độc, khu vực đang có dịch bệnh đặc biệt nguy hiểm (khoản 1 Điều 3).

Ngoài ra, Nghị định cũng quy định doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phải được thành lập và hoạt động theo đúng pháp luật Việt Nam và đáp ứng các điều kiện tại Điều 6:

1. Vốn pháp định không thấp hơn 05 tỷ đồng;
2. Chủ sở hữu, tất cả các thành viên, cổ đông là nhà đầu tư trong nước.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 20/5/2020.

5. Quy định về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

Ngày 08/4/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định 45/2020/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Việc thực hiện đăng ký tài khoản thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử được thực hiện tại Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh hoặc sử dụng danh tính điện tử do các tổ chức cung cấp định danh điện tử kết nối,

tích hợp với Nền tảng trao đổi định danh điện tử trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử của cơ quan có thẩm quyền có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản giấy. Trường hợp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đã hủy hiệu lực vẫn được lưu trữ phục vụ việc tra cứu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo thời hạn lưu trữ quy định của pháp luật chuyên ngành.

Tổ chức, cá nhân có thể in hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử do tổ chức, cá nhân đó khởi tạo từ hệ thống thông tin để lưu, đối chiếu thông tin hoặc xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền kiểm tra. Văn bản giấy được chuyển đổi từ hồ sơ, kết quả điện tử phải đáp ứng một số điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định này.

Đáng chú ý, thay vì cấp bản sao bằng giấy thì từ 22/5, tổ chức, cá nhân có thể yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp bản sao điện tử theo 02 cách:

Cách 1: Cấp bản sao điện tử từ sổ gốc

Khi đó, cơ quan đang quản lý sổ gốc sẽ căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao điện tử có chữ ký số của cơ quan cho người yêu cầu.

Cách 2. Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính giấy tờ, tài liệu

Với trường hợp cấp bản sao từ sổ gốc, cơ quan đang quản lý sổ gốc sẽ căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao điện tử có chữ ký số của cơ quan cho người yêu cầu. Bản sao này có giá trị sử dụng thay cho bản chính trong các giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Với trường hợp chứng thực bản sao điện tử từ bản chính, thủ tục được thực hiện như sau:

- Tổ chức, cá nhân xuất trình bản chính giấy tờ, tài liệu làm cơ sở để chứng thực bản sao;

- Người thực hiện chứng thực kiểm tra bản chính, chụp điện tử bản chính, nhận lời chứng chứng thực bản sao từ bản chính và thực hiện ký số của người chứng thực, cơ quan có thẩm quyền chứng thực và cập nhật vào sổ chứng thực.

Tương tự, bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính dạng văn bản giấy cũng có giá trị sử dụng thay cho bản chính đã dùng để đối chiếu chứng thực trong các giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/5/2020.

PHẦN 3. MỘT SỐ VĂN BẢN CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG

STT	Tên văn bản	Ngày có hiệu lực
	NGHỊ ĐỊNH	
1.	Nghị định 31/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 115/2013/NĐ-CP quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính	01/5/2020
2.	Nghị định 33/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 62/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thi hành án dân sự	01/5/2020

3.	Nghị định 34/2020/NĐ-CP sửa đổi Điều 3 Nghị định 02/2018/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam	10/5/2020
4.	Nghị định 36/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản	10/5/2020
5.	Nghị định 32/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 59/2012/NĐ-CP về theo dõi tình hình thi hành pháp luật	15/5/2020
6.	Nghị định 35/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Cạnh tranh	15/5/2020
7.	Nghị định 37/2020/NĐ-CP bổ sung Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư kèm theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư	15/5/2020
8.	Nghị định 38/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	20/5/2020
9.	Nghị định 39/2020/NĐ-CP về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại giữa Việt Nam - Cuba giai đoạn 2020-2023	20/5/2020
10.	Nghị định 45/2020/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	22/5/2020
11.	Nghị định 47/2020/NĐ-CP về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước	25/5/2020
NGHỊ QUYẾT - THÔNG TƯ - QUYẾT ĐỊNH		
12.	Nghị quyết 67/NQ-CP năm 2020 về phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Chính phủ ban hành	12/5/2020
13.	Nghị quyết 68/NQ-CP năm 2020 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025 do Chính phủ ban hành	12/5/2020
14.	Nghị quyết 71/NQ-CP năm 2020 về thông qua đề nghị xây dựng Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm do Chính phủ ban hành	14/5/2020
15.	Nghị quyết 75/NQ-CP năm 2020 về xử lý vướng mắc đối với dự án đầu tư của doanh nghiệp do Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp làm đại diện chủ sở hữu do Chính phủ ban hành	21/5/2020
16.	Thông tư 05/2020/TT-BCT sửa đổi Thông tư liên tịch 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT quy định về việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	01/5/2020
17.	Thông tư 05/2020/TT-BTTTT quy định về giá cước kết nối cuộc gọi thoại giữa hai mạng viễn thông di động mặt đất toàn quốc và giữa mạng viễn thông cố định mặt đất	01/5/2020

	nội hạt với mạng viễn thông di động mặt đất toàn quốc do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành	
18.	Thông tư 06/2020/TT-BGTVT sửa đổi Thông tư 03/2017/TT-BGTVT quy định về nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	01/5/2020
19.	Thông tư 07/2020/TT-BGTVT sửa đổi Thông tư 33/2018/TT-BGTVT quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt do Bộ Giao thông vận tải ban hành	01/5/2020
20.	Thông tư 27/2019/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 35/2014/TT-NHNN quy định về phí rút tiền mặt qua tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	01/5/2020
21.	Thông tư 04/2020/TT-BGDĐT hướng dẫn Nghị định 86/2018/NĐ-CP quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	05/5/2020
22.	Thông tư 07/2020/TT-BGDĐT sửa đổi Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, được sửa đổi tại Thông 01/2019/TT-BGDĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	05/5/2020
23.	Thông tư 33/2020/TT-BTC quy định về mức thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	05/5/2020
24.	Thông tư 34/2020/TT-BTC quy định về mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực xây dựng do Bộ Tài chính ban hành	05/5/2020
25.	Thông tư 35/2020/TT-BTC quy định về mức thu, nộp phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch do Bộ Tài chính ban hành	05/5/2020
26.	Thông tư 36/2020/TT-BTC quy định về mức thu, nộp phí thẩm định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất do cơ quan trung ương thực hiện và phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn do Bộ Tài chính ban hành	05/5/2020

27.	Thông tư 15/2020/TT-BTC hướng dẫn về việc in, phát hành, quản lý và sử dụng tem đối với rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước và rượu nhập khẩu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	07/5/2020
28.	Thông tư 37/2020/TT-BTC quy định về mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	07/5/2020
29.	Thông tư 06/2020/TT-BCT sửa đổi Thông tư 03/2019/TT-BCT quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	08/5/2020
30.	Thông tư 08/2020/TT-BGDĐT sửa đổi Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông kèm theo Thông tư 04/2017/TT-BGDĐT được sửa đổi bởi Thông tư 04/2018/TT-BGDĐT và 03/2019/TT-BGDĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	08/5/2020
31.	Thông tư 02/2020/TT-BKHĐT quy định về phân loại khu vực thể chế áp dụng trong thống kê Việt Nam do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành	10/5/2020
32.	Thông tư 17/2020/TT-BTC về bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp do Bộ Tài chính và liên tịch ban hành	10/5/2020
33.	Thông tư 45/2019/TT-BGTVT về 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ác quy, động cơ sử dụng cho xe đạp điện và động cơ sử dụng cho xe mô tô, xe gắn máy điện do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	10/5/2020
34.	Thông tư 02/2020/TT-NHNN hướng dẫn về hoạt động thanh toán và chuyển tiền liên quan đến kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	15/5/2020
35.	Thông tư 03/2020/TT-NHNN quy định về tiêu hủy tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	15/5/2020
36.	Thông tư 06/2020/TT-BGDĐT sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Giáo sư nhà nước, các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Giáo sư cơ sở kèm theo Thông tư 04/2019/TT-BGDĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	15/5/2020
37.	Thông tư 17/2020/TT-BTC về bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp do Bộ Tài chính và liên tịch ban hành	15/5/2020
38.	Thông tư 18/2020/TT-BTC hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước do Bộ Tài chính ban hành	15/5/2020

39.	Thông tư 19/2020/TT-BTC sửa đổi Thông tư 77/2017/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán Ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước do Bộ Tài chính ban hành	15/5/2020
40.	Thông tư 06/2020/TT-BTTTT về Định mức đọc, nghe, xem để kiểm tra báo chí lưu chiếu do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành	16/5/2020
41.	Thông tư 20/2020/TT-BTC sửa đổi Thông tư 312/2016/TT-BTC quy định về chế độ tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	20/5/2020
42.	Thông tư 02/2020/TT-BTP hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch do Bộ Tư pháp ban hành	24/5/2020
43.	Thông tư 08/2020/TT-BCT quy định về Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba do Bộ Công thương ban hành	25/5/2020
44.	Thông tư 22/2020/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	26/5/2020
45.	Thông tư 16/2020/TT-BTC quy định về chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính	29/5/2020
46.	Thông tư 24/2020/TT-BTC sửa đổi Thông tư 20/2016/TT-BTC hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do Bộ Tài chính ban hành	30/5/2020
47.	Thông tư 35/2019/TT-BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn Trạm nạp khí dầu mỏ hóa lỏng do Bộ Công thương ban hành	30/5/2020

Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể không chính xác, đầy đủ hoặc cập nhật tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.

Hi vọng chúng tôi sẽ cung cấp cho độc giả những thông tin hữu ích liên quan đến các quy định pháp luật mới ban hành thông qua bản tin lần này và hoan nghênh mọi phản hồi hoặc thắc mắc của Quý khách hàng. Mọi nhận xét của Quý khách xin vui lòng gửi về địa chỉ info@luatsuhcm.com.